

Mã số: 250324/0798:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 03 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**
- Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu: Nước thải (làm mát) Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT10.250324	0324/NT/U-NT/4: Tại vị trí trước khi xả hồ kiểm soát chung với Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 (Tọa độ: X = 1176902; Y = 400187)

4. Ngày lấy mẫu: 24/03/2025

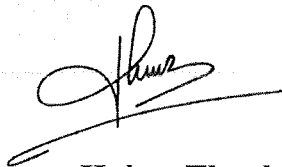
5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=0,9
				NT10.250324	
1	pH ^{(a)(c)}	--	TCVN 6492:2011	7,02	6 – 9
2	Nhiệt độ ^{(a)(c)}	°C	SMEWW 2550B:2023	33,0	40
3	Màu ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (MDL=5)	50
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	53	24,3
5	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	91	60,75
6	SS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	65,0	40,5
7	As ^(d1)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)	0,04
8	Hg ^(d1)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,00015)	0,004
9	Pb ^(d1)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0015)	0,08
10	Cd ^(d1)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,00015)	0,04
11	Cr(VI) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,005)	0,04
12	Cr(III) ^(d1)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,003)	0,16
13	Cu ^(d1)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	1,6
14	Zn ^(d1)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	2,4
15	Ni ^(d1)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,003)	0,16
16	Mn ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Mn.B:2023	KPH (MDL=0,05)	0,4
17	Fe ^(a)	mg/L	SMEWW	0,39	0,8

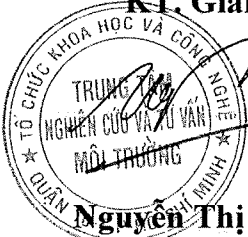
STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=0,9
				NT10.250324	
			3500-Fe.B:2023		
18	Dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH (MDL=1)	4
19	F ⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,50	4
20	S ²⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	0,16
21	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	< 8	16
22	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	2,01	3,2
23	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2023	KPH (MDL=0,3)	0,8
24	N-NH ₄ ⁺ (a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023	< 0,18	4
25	Coliforms ^(d1)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2,1x10 ³	3.000

Ghi chú: (--) : Không quy định; KPH: Không phát hiện, MDL: Giới hạn phát hiện
Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm


Dương Hoàng Thanh Thảo

KT. Giám đốc


Nguyễn Thị Thúy Hạ

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường
3. Dấu (d1): Chỉ tiêu NTP – Vimcert 039 thực hiện;
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250324/0799:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 03 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**
- Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu: Nước mặt Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NM4.250324	0324/NM/U-NT/1: Cửa lấy nước vào trạm bơm nước làm mát trên sông Đồng Tranh Tọa độ: X = 1176535; Y = 400321

4. Ngày lấy mẫu: 24/03/2025

5. Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM4.250324	
1	pH ^{(a)(c)}	--	TCVN 6492:2011	7,04	6,0 – 8,5 ^(**)
2	Nhiệt độ ^{(a)(c)}	°C	SMEWW 2550B:2023	30,8	-
3	Màu ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (MDL=5)	-
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	56	≤ 10 ^(**)
5	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	94	≤ 20 ^(**)
6	SS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	67,5	> 100 và không có rác nổi ^(**)
7	As ^(d1)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)	0,01 ^(*)
8	Hg ^(d1)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,00015)	0,001 ^(*)
9	Pb ^(d1)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0015)	0,02 ^(*)
10	Cd ^(d1)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,00015)	0,005 ^(*)
11	Cr(VI) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,003)	0,01 ^(*)
12	Cr(III) ^(d2)	mg/L	US EPA Methos 200.8 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KH (MDL=0,005)	-
13	Cu ^(d1)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	0,1 ^(*)
14	Zn ^(d1)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	0,5 ^(*)
15	Ni ^(d1)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,003)	0,1 ^(*)

TT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM4.250324	
16	Mn ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Mn.B:2023	KPH (MDL=0,03)	0,1 (*)
17	Fe ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2023	0,38	0,5 (*)
18	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH (MDL=1)	-
19	F ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,49	1 (*)
20	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	-
21	Tổng N ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 & SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	10,5	≤ 2 (**)
22	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	1,94	≤ 0,5 (**)
23	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2023	KPH (MDL=0,3)	-
24	N-NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023	0,11	0,3 (*)
25	Coliforms ^(d1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	2,0x10 ³	≤ 7.500 (**)

Ghi chú: Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện

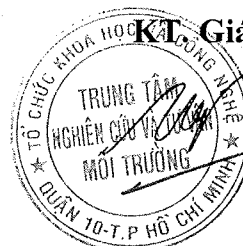
Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

(*): Giới hạn áp dụng bảng 1; (**) Giới hạn áp dụng bảng 2, mức C

P. Phòng thí nghiệm



Dương Hoàng Thanh Thảo



KT. Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Hạ

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 039 thực hiện; Dấu (d2): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 078 thực hiện
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.